TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 712/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/06/2026
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Tô Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Văn Khánh**

Ông Lê Viết Hồng

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh**-Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *khu vực 7 - Hà Nội****:*** **Bà Nguyễn Thị Hương Mai -** Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 05 năm 2026 và ngày 08 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 393/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2026 về việc " Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXX-ST ngày 04 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐ-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu P**, sinh năm 1977

Nơi thường trú: Thôn C, xã T, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, TP Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Đặng Ngọc H**, sinh năm 1972

Nơi thường trú: Thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, TP Hà Nội.

(Vắng mặt bà P, vắng mặt ông H.)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/04/2026 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu P trình bày:

-Về hôn nhân: Bà P và ông Đặng Ngọc H đăng ký kết hôn ngày 03/11/2000 tại UBND xã B, huyện S, TP Hà Nội nay là xã T, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn bà P và ông H chung sống cùng nhau tại thôn C, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội, nay là xã T,

thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có lòng tin đối với nhau. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã nhiều cố gắng hàn gắn nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không thay đổi. Đến nay, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Tại bản tự khai và buổi hòa giải bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn ông H.

-*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Ngọc H1, sinh ngày 25/09/2001 và Đặng Trần Hải L, sinh ngày 20/08/2011. Con Đặng Ngọc H1 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn bà P nhận nuôi dưỡng và chăm sóc con Đặng Trần Hải L, không yêu cầu ông H đóng góp nuôi con chung.

-*Về tài sản, công sức, công nợ :* Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đặng Ngọc H: Quá trình điều tra, tòa án đã báo gọi nhưng ông H không đến làm việc. Tòa án đã về gia đình ông H, bà P nhưng ông H không có mặt ở nhà. Tòa án đã về địa phương xác minh, được ông Nguyễn Văn N, trưởng thôn Chấu, xã T cho biết: Bà P và ông H kết hôn năm 2000. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian gần đây ông H thi thoảng có đi lại về quê. Ông H bà P có 02 con chung, tên là Đặng Ngọc H1, sinh ngày 25/09/2001 và Đặng Trần Hải L, sinh ngày 20/08/2011. Nay bà P ly hôn, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành. Tòa án đã niêm yết văn bản theo qui định pháp luật.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều: 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Đề nghị:

+ Về tình cảm: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Thu P. Cho bà P được ly hôn ông Đặng Ngọc H.

+ Về con chung: Con Đặng Ngọc H1, sinh ngày 25/09/2001 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao con chung tên là Đặng Trần Hải L, sinh ngày 20/08/2011 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi nào khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà P không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

+ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Quá trình điều tra Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ cho bà P, ông H nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà P có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thu P và ông Đặng Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2000 tại UBND xã B, huyện S, TP Hà Nội nay là xã T, TP Hà Nội. Do vậy, hôn nhân của bà P ông H là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng sống không có sự tin tưởng lẫn nhau, thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau. Bà P xác định tình cảm vợ, chồng không còn. Bà đề nghị được ly hôn. Đối với ông H, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay anh đều vắng mặt nên Tòa án không điều tra được về phía ông H. Tuy nhiên xác minh tại gia đình cũng như chính quyền địa phương nơi ông bà cư trú được biết vợ chồng ông, bà chung sống với nhau cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ, chồng không ai quan tâm đến ai. Như vậy có thể thấy hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P, cho bà được ly hôn ông H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ, chồng ông bà có 02 con chung là Đặng Ngọc H1, sinh ngày 25/09/2001 và Đặng Trần Hải L, sinh ngày 20/08/2011. Con Đặng Ngọc H1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên Toà án không giải quyết. Hiện nay con Đặng Trần Hải L đang ở với bà P. Xét sức khỏe cùng điều kiện học hành của cháu đều được bảo đảm, bà P đi làm có thu nhập đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con nên không cần xáo trộn cuộc sống của cháu, giữ nguyên tình trạng nuôi con hiện nay của bà P là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu.

[4] Về tài sản, công sức, công nợ: Bà P không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6]Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu P được ly hôn ông Đặng Ngọc H.

2.Về con chung: Giao con chung Đặng Trần Hải L, sinh ngày 20/08/2011 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Ông H không phải đóng góp nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản, công sức, công nợ: Không xét.

4. Về án phí: Bà P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, bà được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai số 0008549 ngày 08/04/2026.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAHN
-VKSND khu vực 7 - HN.
-THADS TP Hà Nội.
-UBND cấp xã nơi đương sự cư trú;
-Các đương sự.
-Lưu HS,VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Tô Thanh Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**